

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng đường nối từ ĐT.293
đến QL.17, tỉnh Bắc Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh tại Tờ trình số 48/TTr-BQLDA ngày 10/5/2022; Báo cáo thẩm định số 1148/SXD-GĐ&QLCL ngày 12/5/2022 và Tờ trình số 38/TTr-SXD ngày 12/5/2022 của Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng đường nối từ ĐT.293 đến QL.17, tỉnh Bắc Giang với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng đường nối từ ĐT.293 đến QL.17, tỉnh Bắc Giang.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.

3. Chủ đầu tư: Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng

4.1. Mục tiêu đầu tư

Đầu tư xây dựng tuyến đường nhằm hoàn thiện theo quy hoạch đô thị, nâng cao năng lực giao thông, giảm tải lưu lượng xe qua trung tâm thành phố; góp phần mở rộng không gian đô thị, tăng cường khả năng lưu thông, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng và an toàn giao thông; đồng thời góp phần hoàn thiện hệ thống hạ tầng theo Đồ án quy hoạch chung đô thị thành phố Bắc Giang đã được phê duyệt.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng và giải pháp thiết kế

4.2.1. Quy mô đầu tư xây dựng

Đầu tư nâng cấp, mở rộng đường nối từ ĐT.293 đến QL.17. Điểm đầu tuyến giao với ĐT.293 thuộc địa phận thành phố Bắc Giang; điểm cuối tuyến kết nối với dự án đường nối QL.17-QL.37, thuộc xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng, quy mô như sau:

- Phần đường: Nâng cấp, mở rộng đường nối từ ĐT.293 đến QL.17 với chiều dài tuyến 5,006km (trong đó chiều dài cầu Đồng Sơn khoảng 356,9 m); đường được thiết kế tuân thủ theo tiêu chuẩn TCXDVN 104:2007. Đầu tư hoàn chỉnh nền mặt đường, hè đường, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng và hệ thống an toàn giao thông.

- Phần cầu Đồng Sơn (*đầu tư thêm 01 đơn nguyên phía hạ lưu sông Thương của cầu hiện tại*): Kết cấu cầu bằng BTCT và BTCT DƯL; móng trụ cầu bằng BTCT đặt trên hệ thống cọc khoan nhồi; tải trọng thiết kế HL-93, người bộ hành 3×10^{-3} Mpa; chiều dài cầu $L_{tc} = 356,9$ m (*tính đến đuôi móng*), mặt cắt ngang 16m; độ dốc dọc cầu $i = 4,0\%$. Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống điện chiếu sáng cầu và hệ thống an toàn giao thông.

- Cải tạo, hoàn thiện để đảm bảo an toàn giao thông tại Nút giao với đê tại Km0+322,95 và nút giao với QL.17.

4.2.2. Giải pháp thiết kế

a) Phần đường:

- *Thiết kế bình đồ*: Bình đồ tuyến được thiết kế cơ bản song song với tuyến đường hiện trạng, một số vị trí hướng tuyến điều chỉnh theo quy hoạch để phù hợp với hiện trạng đô thị, dân cư hai bên; tim tuyến thiết kế cơ bản đi trùng theo tim quy hoạch đã được phê duyệt đảm bảo tận dụng tối đa mặt đường cũ và các công trình trên tuyến hiện trạng.

- *Thiết kế trắc dọc*: Trắc dọc thiết kế đảm bảo yêu cầu về độ dốc dọc và các tiêu chuẩn kỹ thuật của cấp đường thiết kế. Cao độ thiết kế cơ bản phù hợp với cao độ quy hoạch, cao độ hiện trạng; đảm bảo êm thuận, an toàn trong quá trình khai thác; giảm thiểu khối lượng đào đắp nền, mặt đường cũng như các công trình trên tuyến.

- *Thiết kế trắc ngang*: Tuyến đường được chia thành 04 đoạn với mặt cắt tương ứng từng đoạn khác nhau từ 25m đến 60m, mặt cắt đường cụ thể như sau:

- Đoạn 1: Từ điểm đầu tuyến (*nút giao ĐT.293, Km0+136*) đến cầu Đồng Sơn (*Km0+690*), đầu tư mặt cắt đường theo quy hoạch được duyệt (*không đầu tư xây dựng phần hè đường*): Chiều rộng nền đường $B_{nền}=25,0m$; chiều rộng mặt đường $B_{mặt}=2 \times 10,5=21,0m$; chiều rộng dải phân cách giữa $B_{dpc}=3,0m$; chiều rộng lề đất $B_{lề}=2 \times 0,5=1,0m$.

- Đoạn 2: Từ cầu Đồng Sơn (*Km1+061,44*) đến hết Khu dân cư thôn Sòi, xã Đồng Sơn (*Km1+400*): Chiều rộng nền đường $B_{nền}=60,0m$; chiều rộng mặt đường chính $B_{mặt}=2 \times 11m=22,0m$; chiều rộng dải phân cách giữa $B_{dpc}=3,0m$; chiều rộng gờ lan can $B_{lc}=2 \times 0,5m=1,0m$; chiều rộng mặt đường gom $B_{dg}=2 \times 8,5m=17,0m$ (*trong đó phần đường xe chạy* $=2 \times 7,5m=15,0m$); chiều rộng hè đường $B_{hè}=6,5m \div 8,5m$.

- Đoạn 3: Từ Khu dân cư thôn Sòi, xã Đồng Sơn (*Km1+400*) đến nút giao QL.17 (*Km4+343,27*), được chia thành 2 đoạn:

+ Đoạn từ *Km1+400* đến *Km3+941,49*: Chiều rộng nền đường $B_{nền}=26,0m$; chiều rộng mặt đường $B_{mặt}=2 \times 11,0=22,0m$; chiều rộng dải phân cách giữa $B_{dpc}=3,0m$; chiều rộng lề đất $B_{lề}=2 \times 0,5=1,0m$.

+ Đoạn từ *Km3+941,49* đến *Km4+343,27*: Chiều rộng nền đường $B_{nền}=60,0m$; chiều rộng mặt đường chính $B_{mặt}=2 \times 11,0m=22,0m$; chiều rộng mặt đường gom $B_{dg}=2 \times 7,5m=15,0m$; chiều rộng dải phân cách giữa $B_{dpc}=3,0$; chiều rộng dải phân cách đường gom $B_{pcg}=2 \times 1,5m=3,0m$; chiều rộng hè đường $B_{hè}=2 \times 8,5m=17,0m$.

- Đoạn 4: Từ nút giao QL.17 (*Km4+343,27*) đến dự án đường nối QL.17-QL.37 (*Km5+142,41*) thuộc xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng: Chiều rộng nền đường $B_{nền}=42,0m$; chiều rộng mặt đường $B_{mặt}=2 \times 10,5m=21,0m$; chiều rộng dải phân cách giữa $B_{dpc}=6,0m$; chiều rộng hè đường $B_{hè}=2 \times 7,5m=15,0m$.

Độ dốc ngang mặt đường $i=2\%$, hè đường $i=1,5\%$, lề đất $i=4\%$; mái taluy nền đắp $1/1,5$, nền đào $1/1,0$.

- *Thiết kế nền đường*: Nền đường được đắp bằng vật liệu đất cấp phối đòi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Đối với nền đường đắp: Trước khi đắp nền thực hiện đánh cấp, đào bỏ lớp đất không thích hợp với chiều dày trung bình 30-50cm; đất đắp nền được lu lèn đảm bảo độ chặt $K \geq 95\%$, riêng lớp đất đắp dày 50cm sát kết cấu áo đường đảm bảo độ chặt $K \geq 98\%$.

Đối với nền đường đào: Tiến hành đào nền, đào khuôn đường đến cao trình thiết kế; lu lèn đảm bảo lớp đất nền dày 50cm dưới kết cấu áo đường đạt độ chặt $K \geq 98\%$ (*xáo xới lu lèn hoặc thay bằng đất cấp phối*); 50cm tiếp theo đạt độ chặt $K \geq 0,95$.

Đối với những đoạn qua nền đất yếu thực hiện đào đất không thích hợp thay thế bằng đắp cát đảm bảo độ chặt $K \geq 95\%$ và kết hợp rải vải địa kỹ thuật.

- *Thiết kế mặt đường*: Thiết kế kết cấu áo đường mềm cấp cao A1 với Eyc ≥ 155 Mpa. Kết cấu mặt đường gồm các lớp từ trên xuống dưới như sau:

+ Kết cấu mặt đường làm mới: Lớp bê tông nhựa C12,5 dày 5cm; tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn $0,5kg/m^2$; lớp bê tông nhựa C19 dày 7cm; tưới nhựa

thấm bảm tiêu chuẩn $1,0\text{kg/m}^2$; lớp móng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; lớp móng dưới cấp phối đá dăm loại II dày 30cm.

+ Kết cấu mặt đường tăng cường trên mặt đường cũ: Lớp bê tông nhựa C12,5 dày 5cm; tưới nhựa dính bảm tiêu chuẩn $0,5\text{kg/m}^2$; bù vênh bằng bê tông nhựa chặt hoặc bê tông nhựa rỗng (*tùy theo chiều dày lớp bù vênh đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả*); tưới nhựa dính bảm tiêu chuẩn $0,5\text{kg/m}^2$.

+ Kết cấu mặt đường giao dân sinh (*đối với đường hiện trạng là đường BTXM, BTN*): Lớp bê tông nhựa chặt C12,5 dày 5cm; tưới nhựa dính bảm tiêu chuẩn $0,5\text{kg/m}^2$; bù vênh lớp bê tông nhựa chặt hoặc bê tông nhựa rỗng (*tùy theo chiều dày lớp bù vênh đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả*); tưới nhựa dính bảm tiêu chuẩn $0,5\text{kg/m}^2$;

+ Kết cấu mặt đường giao dân sinh (*đối với đường hiện trạng là đường cấp phối, đường đất*): Lớp bê tông nhựa C12,5 dày 5cm; tưới nhựa thấm bảm tiêu chuẩn $1,0\text{kg/m}^2$; lớp móng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; bù vênh bằng cấp phối đá dăm.

- *Thiết kế nút giao, đường giao*: Các nút giao trên tuyến thiết kế giao cùng mức; bố trí hệ thống an toàn giao thông, sơn vạch kẻ đường, biển báo, đèn cảnh báo giao thông...; kết cấu mặt đường nút giao như tuyến chính. Toàn tuyến thiết kế 04 nút giao: Nút giao với đê tại Km0+322,95; Nút giao với Khu dân cư thôn Sòi tại Km1+500; Nút giao với đường hiện trạng đi thôn Bình An tại Km3+313,85 và Nút giao với QL.17 tại Km4+343,27. Tại các vị trí đường giao thiết kế vượt nổi đảm bảo giao thông êm thuận.

- *Via hè, bó vỉa, rãnh biên*:

- *Via hè, lề đường* đắp theo cao độ thiết kế, đầm chặt $K \geq 0,90$. Đối với vỉa hè bên trái tuyến từ Km4+543,02 đến Km5+141,42 lát vỉa hè bằng gạch bê tông xi măng trên móng BTXM M200. Các đoạn tuyến còn lại không thực hiện lát vỉa hè giai đoạn này mà làm hè đất với độ dốc ra ngoài 4%.

- *Bó vỉa hè đường* sử dụng tấm vỉa vát bê tông mác M250, kích thước 23x26x100cm; bó vỉa dải phân cách sử dụng tấm vỉa đứng bê tông mác M250, kích thước 18x53x100cm.

- *Rãnh biên* đổ bê tông tại chỗ M200, đá 1x2, hướng dốc về các hố thu trên các tuyến.

- *Thiết kế hệ thống thoát nước*:

+ *Thoát nước dọc*: Thiết kế thoát nước dọc các đoạn tuyến có quy mô mặt cắt ngang hoàn thiện theo quy hoạch đảm bảo tiêu thoát nước mặt đường và lân cận, sử dụng cống BTCT khẩu độ cống từ D600 đến D1000 được đặt trên gờ đỡ cống bằng BTCT đúc sẵn. Hố ga thu nước được thiết kế xây gạch vữa xi măng, tấm sàn BTCT có nắp đậy bằng composite. Hố thu đỡ BTCT mác M200.

- *Thoát nước ngang*: Thiết kế nổi dài các cống thoát nước ngang của tuyến đường hiện trạng đảm bảo tiêu thoát nước khu vực và thủy lợi. Sử dụng kết cấu cống, móng cống bằng BTCT đúc sẵn; tường đầu, tường cánh, hố thu bằng BTXM M150 đổ tại chỗ. Đoạn qua nút giao với QL17, xây dựng hoàn trả 01

cống ngang qua đường khẩu độ D1000, móng cống bằng BTCT đúc sẵn, tường cánh cống bằng BT đổ tại chỗ M200.

- *An toàn giao thông*: Thiết kế hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT; biển báo được bố trí tại các điểm giao cắt, biển được làm bằng tôn có phản quang, cột biển báo làm bằng thép tròn, vạch phản quang, tôn hộ lan.

b) *Thiết kế cầu Đồng Sơn*: Thiết kế cầu BTCT, BTCT DƯL; chiều dài phần cầu $L_{\text{cầu}}=356,9\text{m}$ (tính đến đầu mố); sơ đồ nhịp $39,15\text{m} + 40\text{m} + 39,15\text{m} + (52\text{m}+85\text{m}+52\text{m}) + 38,3\text{m}$, bề rộng mặt cầu $B_{\text{cầu}}=16\text{m}$; tải trọng thiết kế HL93, người bộ hành $3 \times 10^{-3}\text{Mpa}$; khổ thông thuyền $B \times H=(50 \times 7)\text{m}$; tĩnh không đường bộ chui dưới cầu $H \geq 4,75\text{m}$.

- Kết cấu phần trên:

+ Phần nhịp chính: Nhịp dầm liên tục $(52+85+52)\text{m}$ bằng BTCT DƯL thi công theo phương pháp đúc hẫng cân bằng. Mặt cắt ngang hình hộp thành xiên, hộp có chiều cao thay đổi từ 5,0m tại đỉnh trụ đến 2,0m tại trụ biên & giữa nhịp. Dốc ngang mặt cầu 2%.

+ Phần nhịp dẫn: Sử dụng dầm SuperT BTCT DƯL 45MPa lắp ghép, chiều cao dầm $h=1,75\text{m}$, khoảng cách giữa các dầm 2,3m.

+ Bản mặt cầu bằng BTCT, dày tối thiểu 18cm. Các nhịp dầm được nối liên tục nhiệt.

+ Lớp phủ mặt cầu bằng BTN dày 7cm, tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn $0,5\text{kg}/\text{m}^2$ và lớp phòng nước dạng phun; độ dốc ngang mặt cầu 2%.

+ Gờ chắn, bản dẫn bằng BTCT đổ tại chỗ. Lan can và cột lan can bằng thép mạ kẽm; gờ cầu dùng gờ chậu, khe co giãn thép dạng răng lược.

- Kết cấu phần dưới: Mố dạng tường, hình chữ U, bằng BTCT đổ tại chỗ trên nền móng cọc khoan nhồi BTCT đường kính D1m. Các trụ nhịp dẫn dạng trụ đặc thân hẹp (bố trí 2 thân) bằng BTCT 30MPa, đặt trên hệ móng cọc khoan nhồi D1m. Trụ biên nhịp chính dạng trụ thân đặc bằng BTCT 30MPa, đặt trên hệ móng cọc khoan nhồi D1,5m. Trụ giữa nhịp chính dạng trụ thân đặc bằng BTCT 35MPa, đặt trên hệ móng cọc khoan nhồi D1,5m.

- Kết cấu khác: Tứ nón, chân khay gia cố bằng kết cấu BTXM; gia cố kè mái bờ sông bằng kết cấu khung bê tông cốt thép, kết hợp gia cố chống xói.

c) *Hệ thống điện chiếu sáng*: Xây dựng đồng bộ hệ thống chiếu sáng với hệ thống điện chiếu sáng hiện tại, trong đó tận dụng toàn bộ cột điện, bóng đèn chiếu sáng cũ. Nguồn cấp điện cho hệ thống chiếu sáng phần mở rộng được lấy từ nguồn hiện trạng tuyến đường, cầu cũ. Cấp điện từ tủ chiếu sáng tới cột sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/DSTA/PVC. Riêng tại Nút giao QL.17 bố trí cột thép đa giác nâng hạ cao 14m, lắp 6 bộ đèn pha 300W.

d) *Các nội dung chi tiết khác*: Theo Hồ sơ lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đã chỉnh sửa, hoàn thiện theo kết quả thẩm định của Sở Xây dựng.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, khảo sát xây dựng:

Liên danh Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Bắc Giang và Công ty cổ phần đầu tư - xây dựng Sao Khuê.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất

- Địa điểm xây dựng: Thành phố Bắc Giang và huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Diện tích sử dụng đất: Khoảng 13,3ha.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế

- Loại, nhóm dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ, nhóm B.

- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp II.

- Thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế: 15 năm đối với mặt đường BTN (mặt đường cấp cao A1 – TCVN 211-06); 100 năm đối với công trình cầu Đồng Sơn (TCVN 11823-1:2017).

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

8.1. Số bước thiết kế: 02 bước.

8.2. Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng:

- QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

- QCVN 07:2016/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Đường ô tô – Tiêu chuẩn khảo sát TCCS 31 : 2020/TCĐBVN;

- Công tác đất - quy phạm thi công và nghiệm thu TCVN 4447:2012;

- Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế 22TCN 211-06;

- Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế TCVN 4054:2005;

- Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế TCXDVN 104:2007;

- Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ TCVN 11823-1:2017 ÷ TCVN 11823-14:2017;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07:2016;

- Tiêu chuẩn thiết kế cống TCVN 9113:2012; 9116:2012;

- Tải trọng và tác động – Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 2737:1995;

- Nền đường ô tô - thi công và nghiệm thu TCVN 9436:2012;

- Lớp móng CPĐD trong kết cấu áo đường ô tô - vật liệu, thi công và nghiệm thu TCVN 8859:2011;

- Nhựa đường lỏng - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử TCVN 8818:2011

- Mặt đường BTN nóng - Yêu cầu thi công và nghiệm thu TCVN 8819:2011;

- Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall TCVN 8820:2011

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT;

- TCXDVN 333 - 2005: Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và kỹ thuật hạ tầng đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCXDVN 259 - 2001: Chiều sáng nhân tạo đường - đường phố, quảng trường đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 7722-2-3: 2007: Đèn điện dùng cho chiều sáng đường, phố.
- Một số các tiêu chuẩn khác có liên quan.

9. Tổng mức đầu tư: 571.200.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi một tỷ, hai trăm triệu đồng chẵn).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: 73.313.079.000 đồng;
- Chi phí xây dựng: 400.119.796.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 5.372.881.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 12.841.604.000 đồng;
- Chi phí khác: 16.211.149.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 63.341.491.000 đồng;

10. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022-2024.

11. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách tỉnh.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang thực hiện quản lý dự án.

13. Các nội dung khác: Theo Báo cáo thẩm định số 1148/SXD-GĐ&QLCL ngày 12/5/2022 của Sở Xây dựng và Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được thẩm định.

Điều 2. Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án đảm bảo kết nối, sử dụng hiệu quả các công trình hiện trạng đang khai thác, tránh thất thoát, lãng phí; tổ chức thực hiện dự án đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Yên Dũng, thành phố Bắc Giang; Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KTTH, KTN;
 - + Lưu: VT, KTN^{Hiệu}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ô Pích